

Số: 08/TB-HDBT

Thanh Quân, ngày 15 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã
Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 44/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 quy định bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 31/QDD-UBND ngày 10/3/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh; 46/2024/QĐ-UBND ngày 5/9/2024 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 75/2024/QĐ-UBND ngày 8/11/2024 Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; 132/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị Quyết số 241/QĐ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2022; Nghị Quyết số 385/QĐ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Như Xuân; Quyết định số



1303/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Như Xuân;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND huyện Như Xuân về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân; Trích lục bản đồ địa chính số 3385/TLBD của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Như Xuân thẩm định ngày 24/11/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Như Xuân về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Thanh Quân về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân; Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh Quân về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Công văn số 760/UBND-KT ngày 01/12/2025 của UBND xã Thanh Quân về việc cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản đo đạc, kiểm đếm khối lượng bồi thường giải phóng mặt bằng số: từ số 01 đến số 16/BBKK-HĐBT ngày 20,22/11/2025.

Căn cứ biên bản xác định giá đất cụ thể của Hội đồng xác định giá đất cụ thể xã Thanh Quân ngày 11/12/2025.

Căn cứ Biên bản dự toán bồi thường hỗ trợ tái định cư GPMB dự án số: 17 đến số 31/BBAG-HĐBT ngày 11/12/2025.

Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số 07/PA-HĐBT ngày 12/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thông báo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự kiến để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và những đối tượng có liên quan tham gia ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đất đai cụ thể như sau:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Thanh Quân.

3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Thanh Quân; địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

4. Thời gian niêm yết: Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/01/2026.

5. Nội dung niêm yết: Phương án và Dự toán bồi thường hỗ trợ GPMB dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có dự thảo phương án bồi thường kèm theo).

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận ý kiến tham gia góp ý: Từ ngày 15/12/2025 đến hết ngày 15/01/2026 trong giờ hành chính tại UBND xã Thanh Quân.

UBND xã Thanh Quân có trách nhiệm niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở UBND xã Thanh Quân và nhà văn hóa thôn Đồng Chạng. Đồng thời, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết.

Trong quá trình niêm yết Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa phối hợp với UBND xã Thanh Quân tiếp nhận và tổng hợp ý kiến đóng góp, giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ. Trên cơ sở ý kiến đóng góp và các căn cứ pháp lý có liên quan Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ hoàn chỉnh phương án trình phòng Kinh tế thẩm định, trình UBND xã phê duyệt. Khi phương án được phê duyệt Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thông báo kết quả cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng theo đúng quy định.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thông báo việc niêm yết công khai, lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và các cá nhân, đơn vị có liên quan biết và tham gia ý kiến để thực hiện dự án./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND xã Thanh Quân(b/c);
- Trưởng thôn Đồng Chạng;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng bởi dự án;
- Đăng trên cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: HĐBT.

**TM. HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn

PHƯƠNG ÁN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Phần I
KHÁI QUÁT CHUNG

I. Tên công trình, dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

II. Mục tiêu dự án: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật để hình thành khu dân cư mới tại thôn Đồng Chạng. Đồng thời, để đầu giá quyền sử dụng đất tăng thu ngân sách địa phương thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. Chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư: UBND xã Thanh Quân.

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Đồng Chạng, xã Thanh Quân, tỉnh Thanh Hoá.

IV. Đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh Quân.

V. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 44/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 quy định bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 31/QDD-UBND ngày 10/3/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh; 46/2024/QĐ-UBND ngày 5/9/2024 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 75/2024/QĐ-UBND ngày 8/11/2024 Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; 132/QĐ-UBNND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban

hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị Quyết số 241/QĐ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2022; Nghị Quyết số 385/QĐ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Như Xuân; Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Như Xuân;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND huyện Như Xuân về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân; Trích lục bản đồ địa chính số 3385/TLBĐ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Như Xuân thẩm định ngày 24/11/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Như Xuân về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Thanh Quân về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân; Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh Quân về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Công văn số 760/UBND-KT ngày 01/12/2025 của UBND xã Thanh Quân về việc cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản đo đạc, kiểm đếm khối lượng bồi thường giải phóng mặt bằng số: từ số 01 đến số 16/BBKK-HĐBT ngày 20,22/11/2025.

Căn cứ biên bản xác định giá đất cụ thể của Hội đồng xác định giá đất cụ thể xã Thanh Quân ngày 11/12/2025.

Căn cứ Biên bản dự toán bồi thường hỗ trợ tái định cư GPMB dự án số: 17 đến số 31/BBAG-HĐBT ngày 11/12/2025.

PHẦN II

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

I. Họ và tên, địa chỉ của người có đất bị thu hồi:

Thu hồi đất của 15 hộ gia đình cá nhân và 01 tổ chức.

Địa chỉ thường trú: Thôn Đồng Chạng, xã Thanh Quân, tỉnh Thanh Hóa.

II. Diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của đất thu hồi; số tiền bồi thường, hỗ trợ:

1. Diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi: 11.169,10 m².

Loại đất thu hồi: đất trồng cây hàng năm khác, đất chuyên trồng lúa nước, đất nuôi trồng thủy sản và đất giao thông.

Nguồn gốc đất: Đất được các hộ dân khai hoang, sử dụng ổn định.

Vị trí thu hồi: 19 thửa đất tại trích lục bản đồ địa chính số 3385/TLBD của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Như Xuân thẩm định ngày 24/11/2023.

2. Tổng kinh phí thực hiện dự án.

2.1 Tổng số tiền bồi thường bồi thường, hỗ trợ: 1.351.195.000 đồng

Trong đó:

- Bồi thường về đất (bồi thường bằng tiền):	335.073.000 đồng
- Bồi thường vật kiến trúc:	4.216.912 đồng
- Bồi thường cây cối, hoa màu:	69.059.006 đồng
- KP hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và TKVL:	670.146.000 đồng
- KP hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	164.160.000 đồng

2.2 Kinh phí Hội đồng thực hiện GPMB (2%): 24.853.100 đồng

2.3 Kinh phí trích đo: 47.943.000 đồng

2.4 Kinh phí xác định giá cụ thể: 35.744.000 đồng

Tổng kinh phí thực hiện GPMB dự án: 1.351.195.101 đồng

(Làm tròn: 1.351.195.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm một triệu một trăm chín lăm nghìn đồng))

III. Căn cứ tính toán số tiền bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường:

Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Điều 91 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. Cụ thể:

- Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; vì lợi ích chung, sự phát triển bền vững, văn minh và hiện đại của cộng đồng, của địa phương; quan tâm đến đối tượng chính sách xã hội, đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp.



- Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, trường hợp không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp người có đất thu hồi được bồi thường bằng đất, bằng nhà ở mà có nhu cầu được bồi thường bằng tiền thì được bồi thường bằng tiền theo nguyện vọng đã đăng ký khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật dân sự mà bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường thiệt hại; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh phải ngừng sản xuất, kinh doanh do Nhà nước thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ.

- Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản để tạo điều kiện cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản có việc làm, có thu nhập, ổn định đời sống, sản xuất.

- Khu tái định cư phải hoàn thiện các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải phù hợp với truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi. Khu tái định cư có thể bố trí cho một hoặc nhiều dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư để bảo đảm chủ động trong việc bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được hoàn thành trước khi có quyết định thu hồi đất.

- Khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật này mà phần diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về diện tích tối thiểu tại khoản 2 Điều 220 của Luật này, nếu người sử dụng đất đồng ý thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, quản lý diện tích đất này theo quy định của pháp luật.

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp thu hồi đất quy định tại khoản này được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đầu tư.

a) Bồi thường đất:

- Việc bồi thường về đất được quy định tại Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2024.

- Giá đất tính tiền bồi thường: Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là áp dụng giá đất cụ thể.

- Đối tượng: 15 hộ.

- Tổng số tiền bồi thường: 335.073.000 đồng.

b) Bồi thường về kiến trúc trên đất:

- Việc bồi thường về vật kiến trúc được quy định tại Điều 102 Luật Đất

đai 2024.

- Áp dụng theo Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 5/9/2024 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Đối tượng: 2 hộ.

- Tổng số tiền bồi thường: 4.216.912 đồng.

c) Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:

- Việc bồi thường về cây trồng, vật nuôi được quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2024.

- Áp dụng theo Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 8/11/2024 Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

- Đối tượng: 13 hộ.

- Tổng số tiền bồi thường: 69.059.006 đồng.

2. Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Thực hiện theo Điều 108 Luật Đất đai 2024 và Điều 11, Điều 13, Điều 14 Quyết định số 123/2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể :

“1. Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:

a) Hỗ trợ ổn định đời sống;

b) Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh;

c) Hỗ trợ di dời vật nuôi;

d) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

đ) Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật này;

e) Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời theo quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật này.

2. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cho từng dự án cụ thể”.

a) Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất:

- Đối tượng được hỗ trợ: Được quy định tại Điều 11 Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và diện tích thu hồi không thấp hơn diện tích tối thiểu được tách thửa theo quy định của UBND tỉnh thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ/01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.



- Mức hỗ trợ:

+ Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 0-30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 30kg gạo/khẩu/tháng * 3 tháng = 90kg gạo.

+ Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 30-70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 30kg gạo/khẩu/tháng * 6 tháng = 180kg gạo; trường hợp phải di chuyển chỗ ở: 30kg gạo/khẩu/tháng * 12 tháng = 360kg gạo.

+ Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 30kg gạo/khẩu/tháng * 12 tháng = 360kg; trường hợp phải di chuyển chỗ ở 30kg gạo/khẩu/tháng * 24 tháng = 720kg gạo

- Đối tượng: 15 hộ

- Tổng số tiền hỗ trợ: 164.160.000đồng.

b) Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn:

- Đối tượng được hỗ trợ: Điều 179 Luật đất đai năm 2024.

c) Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm:

- Đối tượng được hỗ trợ: Được quy định tại Điều 13 Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Mức hỗ trợ: 2,0 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

- Đối tượng: 15 hộ

- Tổng số tiền hỗ trợ: 670.146.000 đồng.

d) Hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân và hỗ trợ khác:

- Đối tượng được hỗ trợ: Được quy định tại Điều 14 Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 3/10/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

*** Hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân:**

- Đối tượng được hỗ trợ: 0 hộ.

- Nội dung hỗ trợ:

*** Hỗ trợ khác:**

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản.

- Đối tượng được hỗ trợ (theo số hộ khẩu): 0 hộ.

- Mức hỗ trợ:

+ Nội dung hỗ trợ: Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác thuộc diện bố trí tái định cư, nhưng không vào khu tái định cư thì được hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng.

- Đối tượng được hỗ trợ: 0 hộ

- Mức hỗ trợ: 0 đồng.

3. Chi phí lập và tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Chi phí lập và tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng tại Nghị Quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (2%): 24.853.100đồng.

4. Chi phí xác định giá đất cụ thể thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Việc xác định giá đất cụ thể được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về định giá đất và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về chi phí triển khai thực hiện xác định giá đất: 35.744.000 đồng.

5. Chi phí trích đo thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Việc xác định giá trích đo được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về chi phí triển khai thực hiện trích đo thửa đất: 47.943.000 đồng.

6. Phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Kinh phí quyết toán phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng các quy định pháp luật hiện hành.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

(Biểu chi tiết kèm theo)

PHẦN IV

THỜI GIAN, KẾ HOẠCH DI CHUYỂN VÀ BÀN GIAO MẶT BẰNG

I. Dự kiến thời gian, kế hoạch di chuyển

- Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/1/2026: Niêm yết Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Từ ngày 23/01/2026: phê duyệt Quyết định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

II. Bàn giao mặt bằng

- Dự kiến trong tháng 02/2026: Các đối tượng bị thu hồi đất bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp UBND cấp xã quản lý đất theo quy định tại Khoản 5 Điều 86 Luật Đất đai 2024 cho đến khi cấp có thẩm quyền thực hiện giao đất cho Chủ đầu tư theo quy định.

- UBND cấp xã thực hiện quản lý đất theo quy định tại Khoản 5 Điều 86 Luật Đất đai 2024 đối với diện tích cấp có thẩm quyền thu hồi nhưng nằm ngoài phạm vi thực hiện dự án.

PHẦN V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng, quản lý đất nếu chưa đồng ý với Quyết

định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được quyền khiếu nại theo quy định của Pháp luật. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại, thời hạn khiếu nại và trình tự giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành quyết định thu hồi đất, bàn giao đất đúng kế hoạch và thời gian đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Trên đây là phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐ theo QĐ 656/QĐ ngày 10/11/2025;
- UBND xã Thanh Quân;
- Lưu: HDBT.

**TM. HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU KIỆN PHÍ BỒI HƯỜNG HỒ TRỢ
 Công trình: Hệ thống kỹ thuật cấp nước đến cư dân phường Đông Thành, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân.



STT	Họ và tên chủ sở hữu đất	Mã số định danh	Địa chỉ thường trú	Vị trí đất BDDC	Loại đất	Diện tích	Nguồn gốc	Giá đất (đồng/m ²)	Thuế đất	Vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Kinh phí hỗ trợ		Tổng	Làm tròn		
												Đối tượng	Tổng kinh phí hỗ trợ	Số nhân khẩu	Tỷ lệ thu hồi đất (Kháng di chuyển)			Tổng kinh phí hỗ trợ	
1	Lương Văn Tuấn	038079011805	Thôn Đông Thành		HNK	1.395,80	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 1997	30.000	82.158.000	2.074.912	11.166.643	Hồ trực tiếp SXNN	164.316.000	6	<30%	10.260.000	269.975.561	269.976.000	
2	Lạc Thị Chiêu	038166090875	Thôn Đông Thành		NTS	190,50	Khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1988	30.000	5.715.000	2.142.000	5.420.000	Hồ trực tiếp SXNN	11.430.000	7	<30%	11.970.000	36.677.007	36.677.000	
3	Lương Văn Khoa	038070007167	Thôn Đông Thành		HNK	1.386,50	Khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1994	30.000	46.113.000	0	10.841.300	Hồ trực tiếp SXNN	92.226.000	4	<30%	6.840.000	156.020.304	156.020.000	
4	Lương Thị Khô (Lương Văn Tuấn)	038175010731	Thôn Đông Thành		HNK	150,60	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 1997	30.000	11.457.000			Hồ trực tiếp SXNN	22.914.000	4	30-70%	13.680.000	48.051.004	48.051.000	
5	Lương Văn Năm (Võ Hoàng Thị Bội)	038083019272	Thôn Đông Thành		HNK	779,40	Bố mẹ khai hoang từ năm 1980 tăng cho năm 2009	30.000	23.382.000	4.928.146		Hồ trực tiếp SXNN	46.764.000	3	<30%	5.130.000	80.204.149	80.204.000	
6	Lương Văn Giỏi (Võ Nguyễn Thị Hoa)	038071003128	Thôn Đông Thành		HNK	2,00	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 1997	30.000	60.000			Hồ trực tiếp SXNN	120.000	10	<30%	17.100.000	17.280.010	17.280.000	
7	Lạc Đình Tường	038074028579	Thôn Đông Thành		HNK	199,30	Bố mẹ khai hoang năm 1980 tăng cho năm 2002	30.000	6.279.000	3.480.000		Hồ trực tiếp SXNN	12.558.000	4	<30%	6.840.000	29.157.004	29.157.000	
8	Lạc Quang Hùng	038090046033	Thôn Đông Thành		LUA	10,00	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 2000	30.000	13.215.000	3.524.000		Hồ trực tiếp SXNN	26.430.000	4	<30%	6.840.000	50.009.004	50.009.000	
9	Lê Trung Việt	038064024311	Thôn Đông Thành		LUA	400,34	Bố mẹ khai hoang năm 1979 tăng cho năm 1985	30.000	19.977.000	5.327.200		Hồ trực tiếp SXNN	39.954.000	6	<30%	10.260.000	75.518.206	75.518.000	
10	Lê Văn Diễm	03807609284	Thôn Đông Thành		HNK	2.976,40	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 1999	30.000	89.292.000	14.882.000		Hồ trực tiếp SXNN	178.584.000	4	30-70%	13.680.000	296.438.004	296.438.000	
11	Lương Thị Quỳ	038182012134	Thôn Đông Thành		LUA	455,70	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 2002	30.000	13.671.000	3.645.600		Hồ trực tiếp SXNN	27.342.000	5	30-70%	17.100.000	61.758.605	61.759.000	
12	Lê Văn Bé	038073005291	Thôn Đông Thành		LUA	263,10	GCN cấp cho ông Vi Xuân Thái số: CP 692834 ngày 28/12/2018. (tăng cho con sử dụng từ năm 2022)	30.000	7.893.000	2.104.800		Hồ trực tiếp SXNN	15.786.000	8	<30%	13.680.000	39.463.808	39.464.000	
13	Nguyễn Văn Dũng	038075009808	Thôn Đông Thành		LUA	150,90	Bố mẹ khai hoang tăng cho năm 1993	30.000	4.527.000	1.207.200		Hồ trực tiếp SXNN	9.054.000	3	<30%	5.130.000	19.918.203	19.918.000	
14	Lê Xuân Canh	038045006101	Thôn Đông Thành		LUA	64,50	Khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1965	30.000	1.935.000	516.000		Hồ trực tiếp SXNN	3.870.000	8	<30%	13.680.000	20.001.008	20.001.000	
15	Lương Trọng Lợi	038066005884	Thôn Đông Thành		HNK	313,30	Khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1994	30.000	9.399.000	2.016.116		Hồ trực tiếp SXNN	18.798.000	7	<30%	11.970.000	42.183.123	42.183.000	
Tổng									335.073.000	4.216.912	69.059.006	670.146.000	7		164.160.000	1.243.655.001	1.242.655.000		
Khai phí ước tính									47.943.000	21.853.100						21.853.100	47.943.000		
Khai phí ước tính									35.744.000								35.744.000	35.744.000	
TỔNG KINH PHÍ									1.351.195.101							1.351.195.101	1.351.195.000		